TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17/01/2018
"V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NGÃI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diếu
Các Hội thẩm nhân dân: + Bà: Nguyễn Thị Nga;
+ Bà: Nguyễn Thị Kiều Hoanh

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Tiến Dũng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Ngãi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khánh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐXX HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hiền M, sinh năm: 1987; (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã Q, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Lê Văn M1, sinh năm: 1983; (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Tổ dân R, thị trấn T, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Hiền M, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị và anh Lê Văn M1 đăng ký kết hôn ngày 09/02/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện P trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian nhưng sau đó tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ 2016 đến nay phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt nên chị M xin được ly hôn anh M1.

+ Về con chung: Vợ chồng anh, chị có với nhau 01 con chung, tên Lê Bùi Tuệ N, sinh ngày 01/01/2011 hiện tại đang sống với chị M tại xã Q, huyện E; khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N; yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản và nợ chung: Về tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

** Tại bản tự khai ngày 02/11/2017 và phiên hòa giải anh Lê Văn M1, trình bày:*

Anh thống nhất như lời trình bày của chị M về hôn nhân.

Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh M1 đồng ý giao con cho M nuôi nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con. Còn nếu chị M không đồng ý thì để con anh nuôi và anh không cần chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Hội phụ nữ thị trấn T là nơi chị M, anh M1 sinh sống. Chị Lê Thị Kim Tuyến cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân hiện nay của anh M1, chị M, cũng như nguyên nhân mâu thuẩn giữa anh, chị Hội phụ nữ thị trấn không rõ, nguyên nhân chị M không báo hay yêu cầu Hội phụ nữ hòa giải, Chi Hội phụ nữ Tổ dân R cũng không báo về tình trạng mâu thuẩn của vợ chồng anh M1, chị M. Và thực tế sau khi kết hôn đến nay chị M về nhà cha mẹ đẻ tại huyện E sinh sống, làm ăn còn anh M1 cũng thường xuyên đi làm ăn xa nên Phụ nữ thị trấn không biết cụ thể về tình trạng hôn nhân của họ.

Ngoài ra chị M còn cung cấp giấy xác nhận của trường tiểu học C và trường Tiểu học L.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự: Chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị M được ly hôn anh M1, giao

con cho chị M nuôi dưỡng. Buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đồng/tháng để đảm bảo quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy căn cứ Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh M1 tự nguyệt kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào năm 2009. Do vậy hôn nhân giữa chị M và anh M1 là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị M thì thấy: Chị M và anh M1 kết hôn năm 2009 vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M1 ghen tuông rồi có những hành động không tốt gây ảnh hưởng đến chị M. Sự việc cũng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh M1 cũng đã làm đơn gởi đến Tòa nhưng rồi rút đơn về. Từ năm 2016 đến nay chị M và anh M1 đã sống ly thân, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về chung sống tại phiên hòa giải anh chị đồng ý ly hôn nhưng không thỏa thuận được việc giao con cho ai nuôi và tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy mâu thuẫn của chị M và anh M1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M. Chị M được ly hôn anh M1.

[2] Về con chung là cháu Lê Bùi Tuệ N, sinh ngày 01/01/2011 hiện nay đang sống cùng chị M.

Xét yêu cầu nuôi con của chị M: Hiện nay cháu N đang đang sống cùng với chị M tại xã Q, huyện E và đang theo học tại Trường Tiểu học C 1- Xã Q. Chị M đang công tác tại Trường tiểu học L. Do đó về thu nhập của chị M ổn định và thời gian chăm sóc con đảm bảo hơn anh M1. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị M.

Về yêu được nuôi con của anh M1: Anh M1 hiện nay không có chổ ở và công việc ổn định. Do vậy về điều kiện để chăm sóc cho con là chưa đảm bảo.

Thiết nghĩ giao con cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý. Anh M1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị M yêu cầu anh M1 cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cáp dưỡng kể từ tháng 01/2018.

Xét chị M là người trực tiếp nuôi con mà nhu cầu hiện nay để đảm bảo cho việc học hành, sinh hoạt của con là rất cao và rất cần thiết. Do vậy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M, anh M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự ly hôn, bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định Tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hiền M được ly hôn với anh Lê Văn M1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bùi Tuệ N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2011 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn M1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 (Mười tám) tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01 năm 2018.

Anh M1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Hiền M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về việc ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000408 ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Anh Lê Văn M1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND tt T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diếu